

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

GIÁO HỘI CHÍNH THỐNG GIÁO Ở CÁC NƯỚC VÙNG BANCĂNG CUỐI THẾ KỈ XX ĐẦU THẾ KỈ XXI

NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG^(*)

Vào cuối những năm 80 đầu những năm 90 thế kỉ XX, tình hình chính trị - xã hội ở các nước Đông Âu và Trung Âu diễn ra hết sức phức tạp. Đặc biệt, sau khi Liên Xô tan rã, các nước trong khu vực này đã từ bỏ con đường phát triển xã hội chủ nghĩa (XHCN) và lựa chọn cho mình một hướng đi khác. Cùng với sự thay đổi thể chế chính trị - xã hội, vấn đề tôn giáo cũng có những biến chuyển đáng kể. Bên cạnh việc củng cố địa vị của các Giáo hội Chính Thống giáo trong đời sống xã hội ở các nước trong khu vực này, nhiều vấn đề mới đã nảy sinh. Bài viết này đề cập tới những vấn đề mới nảy sinh đó trong đời sống tôn giáo của một số nước vùng Bancăng như Rumani, Bungari, Sécbi và Hi Lạp.

Như chúng ta đã biết, vai trò quan trọng của Giáo hội Chính Thống giáo ở các nước Bancăng được quy định bởi những nguyên nhân lịch sử như cuộc đấu tranh vì sự tương đồng dân tộc, vì sự giải phóng dân tộc và giành độc lập quốc gia. Khía cạnh tôn giáo luôn luôn là sự phản ánh những đặc điểm phát triển lịch sử - xã hội của các dân tộc trên bán đảo này.

Khía cạnh này đặc biệt quan trọng trong những điều kiện khi xảy ra cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội sâu sắc vào những năm 80 - 90 thế kỉ XX ở các nước Đông Âu, Trung Âu và Nam Âu, đồng thời cũng là phản ứng đối với sự thay đổi trật tự thế giới.

Việc từ bỏ con đường phát triển XHCN ở các nước vùng Bancăng đã đụng chạm tới nhiều vấn đề trong đời sống của Giáo hội Chính Thống giáo. Trong suốt nửa thế kỉ trước đó, Giáo hội này đã cùng chung sống với các nhà nước vô thần và cùng tham gia vào chính sách đối nội và đối ngoại của các nước đó. Nhiều chức sắc tôn giáo đã từng tham gia các hoạt động chính trị - xã hội khi chính quyền còn nằm trong tay các Đảng Cộng sản. Giờ đây, khi các nước này đã “chia tay” với chủ nghĩa cộng sản, nhiều vấn đề mới nảy sinh trong đời sống tôn giáo, thí dụ vấn đề đổi mới các chức sắc cao cấp của Giáo hội. Giáo hội Chính Thống giáo ở các nước trong khu vực đều gặp phải những vấn đề chung và những vấn đề riêng của mình khi chính quyền nhà nước không

*. TS., Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

còn nằm trong tay những người cộng sản như trước đây mà nằm trong tay những lực lượng xã hội - dân chủ, thậm chí là những lực lượng dân tộc chủ nghĩa.

Vấn đề tôn giáo ở mỗi nước trong khu vực đều được giải quyết theo cách riêng, tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế ở từng nước. Dưới đây là một số thí dụ cụ thể.

1. Con đường gặp ghềnh của Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi

Sau khi Liên bang Nam Tư tan rã, chính quyền nhà nước rơi vào tay những lực lượng dân tộc chủ nghĩa. Giáo hội Chính Thống giáo lúc này lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn. Một mặt, Giáo hội Chính Thống giáo trong phạm vi khả năng của mình cần phải cố gắng tập hợp các lực lượng chính trị đối lập, nhưng mặt khác lại cố gắng thoát khỏi sự phụ thuộc vào chính quyền nhà nước do những lực lượng dân tộc chủ nghĩa lãnh đạo đang cố gắng lợi dụng nhân tố tôn giáo để đàn áp các sắc tộc láng giềng một thời đã từng là một bộ phận cấu thành của Liên bang Nam Tư thống nhất.

Thử thách nặng nề nhất đối với Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi xảy ra vào những năm 1990. Nam Tư tan rã dẫn đến cuộc nội chiến giữa các sắc tộc. Trong cuộc nội chiến này, nhân tố tôn giáo đã được các lực lượng đối lập sử dụng để tập hợp đồng minh, đặt các chức sắc tôn giáo cũng như chính bản thân Giáo hội vào tình trạng vô cùng nguy hiểm.

Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi, một mặt cần phải tập hợp các tín đồ của mình, nhưng mặt khác tránh bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh sắc tộc “mọi

người chống lại mọi người”. Người đứng đầu Nhà nước Sécbi lúc đó là Slôbôdan Milôshevich muốn đóng vai trò là người bảo vệ toàn thể dân tộc Sécbi. Ông ta cố gắng áp dụng tư tưởng về mối liên hệ qua lại giữa tôn giáo và chính trị vào ý thức xã hội, trên cơ sở dựa vào những sự kiện được dẫn từ bối cảnh lịch sử cụ thể trong lịch sử Sécbi.

Ngày 1 tháng 12 năm 1990, Tổng Giáo chủ Giáo phận Rashkô - Prizrenski Pavel trở thành người đứng đầu Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi, Tổng Giáo chủ Giáo phận Petroski, Đại Giáo chủ Giáo khu Belgradsko - Karlovaxki, Giáo trưởng Sécbi. Là người hiểu rõ tình hình thực tế ở Kôsovo, ông đã hình dung được chính sách của Milôshevich sẽ có thể đưa người Sécbi tới đâu. Một năm trước khi nhận ngôi Giáo trưởng, Pavel đã bị các phần tử dân tộc cực đoan người Anbani phục kích và bắn bị thương rất nặng, phải nằm điều trị tại bệnh viện ba tháng. Ra khỏi bệnh viện, ông từ chối phát đơn kiện ra tòa bởi vì không muốn gây ra những xung đột mới giữa các sắc tộc và giữa các tôn giáo. Bảo vệ người Sécbi ở Kôsovo, nhưng chưa khi nào Pavel kêu gọi một cách công khai nhằm làm gia tăng mâu thuẫn, đồng thời ông cũng không xa lạ với những sự rùm beng trong từng thời điểm. Ông không chịu để cho chính sách quan phương của nhà cầm quyền Belgrad ảnh hưởng đến các hoạt động của mình và điều này đã càng làm tăng thêm uy tín của Giáo hội trong xã hội Sécbi. Thí dụ, sau khi bức giác thư nổi tiếng của một số thành viên Viện Hàn lâm Khoa học và Nghệ thuật Sécbi được công bố năm 1986, thực chất đây là một sự biện hộ cho chính sách theo

đường lối dân tộc chủ nghĩa của nước này, Tổng Giáo chủ Giáo phận Rashkô - Prizrenski Pavel đã từ chối bình luận “tài liệu” này.

Trong tiểu sử chính trị - xã hội của Giáo trưởng Sécbi, ít nhất có hai sự kiện đáng chú ý. Sự kiện thứ nhất là việc ông từ chối chúc mừng sinh nhật Milôshevich vào năm 2000. Cử chỉ này của Pavel đã trở thành lời cảnh báo cho nhiều thủ lĩnh chính trị và giáo hội: Chúc mừng kẻ độc tài là điều khiếm nhã.

Về phần mình, Slôbôđan Milôshevich cũng tỏ thái độ cực kỳ tiêu cực với người đứng đầu Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi và đã có lần thậm chí ông ta định bãi chức của Pavel. Trong những buổi tiếp chính thức, để tỏ thái độ, Tổng thống đã không đến gần Giáo trưởng Pavel. Có một lần, trong một buổi lễ trọng thể, Giáo trưởng Pavel chủ động tiến về phía Milôshevich, nhưng ngay lập tức ông ta đã ra khỏi phòng nơi đang diễn ra cuộc chiêu đãi. Đó là sự kiện thứ hai.

Sau khi lật đổ Milôshevich, Sécbi lại rơi vào một khủng hoảng mới. Sau bốn lần người Sécbi vẫn không thể bầu chọn được một vị tổng thống cho đất nước mình, người đứng đầu Giáo hội Chính Thống giáo Sécbi đã đưa ra đề nghị mời người cháu của triều đại nhà vua Alêcsandrô Karageorgievich hiện đang sinh sống ở Vương quốc Anh về đứng đầu nhà nước. Mặc dù tư tưởng quân chủ ở Sécbi lúc đó rất mạnh, nhưng phương án mà Giáo trưởng Pavel đưa ra đã bị gạt ra khỏi chương trình nghị sự của nước này.

2. Vấn đề của Giáo hội Chính Thống giáo Rumani

Sự sụp đổ của Chính quyền Nicôlai Traushesku ở Rumani tháng 12 năm 1989 không chỉ là thời điểm của sự giải phóng xã hội mà còn là một thử thách nghiêm trọng đối với Giáo hội Chính Thống giáo Rumani. Ngay sau khi chính quyền này bị lật đổ, dư luận xã hội Rumani đã buộc tội giới chức sắc cao cấp của Giáo hội cộng tác với chính phủ độc tài.

Tháng 1 năm 1990, Tổng Giáo chủ Giáo phận Bucaret, Đại Giáo chủ Giáo khu Ungrô - Vlakhia và Giáo trưởng toàn Rumani Feoktist đã buộc phải từ chức. Đây là một hiện tượng hoàn toàn không bình thường nhìn từ góc độ những quy định của Giáo hội. Hơn thế nữa, Feoktist đã nhân danh cá nhân và thay mặt Giáo hội Chính Thống giáo Rumani bày tỏ sự ăn năn về những việc làm dưới thời Nicôlai Traushesku. Chính nhờ hành động cực kỳ dũng cảm này nên Feoktist lại được Hội đồng Thánh giáo Giáo hội Chính Thống giáo Rumani đưa trở lại ngôi Giáo trưởng vào tháng 4 năm 1990. Người Rumani coi hành động này của Giáo hội Chính Thống giáo Rumani tương tự như những lời xin lỗi của Giáo hoàng Gioan Phaolô II về những cuộc thập tự chinh và sự hận thù tôn giáo đối với người Do Thái của Giáo hội Công giáo.

Nhiều người trong xã hội Rumani lúc bấy giờ thậm chí đã trải qua một cú sốc vì những hành động đó của người đứng đầu Giáo hội. Ngay từ mùa xuân năm 1990, họ đã nhanh chóng thay đổi thái độ đối với chính bản thân Giáo trưởng và Giáo hội Chính Thống giáo Rumani. Điều này

đã tạo điều kiện để Giáo hội đẩy mạnh hoạt động của mình. Hơn thế nữa, chính Giáo trưởng Feoktist là người đã đưa ra sáng kiến xây dựng ở thủ đô Bucaret một đại giáo đường để kỉ niệm về sự cứu nguy dân tộc. Hành động này không chỉ là biểu tượng của sự phục hưng dân tộc và đất nước, mà còn là biểu tượng của sự phục hưng tôn giáo, thống nhất dân tộc. Những cuộc khủng hoảng chính trị diễn ra liên tiếp ở Rumani và cuộc đấu tranh giữa các đảng phái chính trị khác nhau, trong đó có các đảng phái cấp tiến theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa đã tạo nên một thử thách nghiêm trọng tiếp theo cho Giáo hội Chính Thống giáo Rumani. Tuy vậy, bản thân Giáo trưởng Feoktist và cả những chức sắc cao cấp khác của Giáo hội đã không can thiệp vào chính trị.

Mặc dù có sự tranh cãi giữa Giáo trưởng Giáo hội Chính Thống giáo Rumani với Giáo hội Công giáo Rumani về việc ai sẽ là chủ sở hữu những nhà thờ Công giáo bị chính quyền tịch thu năm 1948, Feoktist đã mời Giáo hoàng Gioan Phaolô II thăm Bucaret vào năm 1999. Trong thời gian viếng thăm của Giáo hoàng, cả hai vị đứng đầu hai giáo hội đều được nhân dân chào đón nồng nhiệt trên các đường phố của thủ đô, nơi mà các ngài đi qua và tham dự vào buổi lễ hiệp thông Giáo hội Kitô giáo. Điều này không chỉ thể hiện tình cảm tôn giáo mà cả tư tưởng chính trị trong xã hội Rumani. Chính sách tham gia vào cộng đồng Châu Âu - Đại Tây Dương của Rumani đã được Giáo hội địa phương ủng hộ với vai trò là người trung gian tinh thần giữa phương Đông và phương Tây.

3. Chính trị và tôn giáo - Vấn đề của Giáo hội Chính Thống giáo Bungari

Việc chuyển giao chính quyền từ những người cộng sản sang tay các lực lượng dân chủ ở Bungari tuy diễn ra không mang tính chất bi kịch như ở Rumani, song vẫn đặt ra vấn đề về mối quan hệ tiếp theo giữa Nhà nước với Giáo hội Chính Thống giáo Bungari. Mâu thuẫn chính trị giữa những người cộng sản trước đây, hiện đang tập hợp trong Đảng Xã hội Bungari với các lực lượng dân chủ, được tập hợp trong Liên minh các lực lượng dân chủ, đã đụng chạm tới không chỉ các lĩnh vực chính trị - xã hội, mà còn cả các lĩnh vực tinh thần, trong đó có tôn giáo. Giới trí thức trong các lực lượng dân chủ Bungari đã phê phán các chức sắc cao cấp trong Giáo hội Chính Thống giáo Bungari là bảo thủ và họ cũng không muốn hợp tác với những người thuộc Đảng Xã hội Bungari.

Một trong những hoạt động tích cực của các lực lượng dân chủ Bungari trong lĩnh vực tôn giáo là việc thành lập *Ủy ban Bảo vệ các quyền tôn giáo, tự do tín ngưỡng và các giá trị tinh thần* vào năm 1989. Người đứng ra thành lập Ủy ban này là Khristofor Subevui, một trong những người sáng lập Liên minh các lực lượng dân chủ. Trong hội nghị "bàn tròn" toàn Bungari được tổ chức từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1990, Khristofor Subevui đã tuyên bố về sự cần thiết thành lập "Hội đồng Thánh giáo dân chủ mới", thực chất là nằm dưới sự bảo trợ của Liên minh các lực lượng dân chủ. Ông đã cùng với các phụ tá của mình trong số các chức sắc của

Giáo phận Nevrôkôpski đưa ra những đòi hỏi rất nghiêm trọng, trong đó trước hết liên quan tới vấn đề tính hợp pháp của người đứng đầu Giáo hội Chính Thống giáo Bungari, lúc đó là Giáo trưởng Maksim. Họ cho rằng vị Giáo trưởng này đã được chế độ cộng sản bổ nhiệm trái với giáo luật của Giáo hội.

Tháng 7 năm 1996, tại nhà thờ Thánh Paraskeva thuộc Giáo phận Nevrôkôpski, Đại Giáo chủ Pimen đã tuyên bố rằng ông là Giáo trưởng “đối ngã” (Patriarcat Alternative) của Bungari. Tuy nhiên, ý đồ lật đổ Giáo trưởng Maksim đã không thực hiện được. Hơn thế nữa, một thực tế đã rõ ràng là cuộc đấu tranh chính trị giữa Liên minh các lực lượng dân chủ với Giáo hội Chính Thống giáo Bungari đã chuyển sang lĩnh vực nội bộ của Giáo hội và đạt tới đỉnh điểm vào năm 1998. Tổng thống Bungari Petr Sroianôv đã kêu gọi cả Maksim và Pimen đều nên từ chức để có thể bầu một giáo trưởng mới, duy nhất cho toàn Giáo hội Chính Thống giáo Bungari. Nhưng điều này đã không xảy ra. Mùa thu năm 1998, sau Công đồng Giáo hội Chính Thống giáo được triệu tập với sự tham gia của các chức sắc cao cấp thuộc các Giáo hội Chính Thống giáo khác, tính hợp pháp của Giáo trưởng Maksim đã được khẳng định, còn Pimen đã từ bỏ ý định lên ngôi Giáo trưởng. Một số đại biểu tham gia Công đồng đã khẳng định rằng, Đại Giáo trưởng Giáo hội Chính Thống giáo toàn cầu, đồng thời cũng là Chủ tịch Công đồng đã đề nghị Maksim từ bỏ chức Giáo trưởng Bungari trong một thời gian ngắn nhất nhằm khắc phục một cách triệt để sự chia rẽ trong Giáo hội Chính Thống giáo Bungari.

Tuy nhiên, từ năm 2000, đòi hỏi của “những người li giáo Nevrôkôpski” (tên gọi của những người chống đối Giáo trưởng Maksim ở Bungari) lại nổi lên với một lực lượng mới. Điều này, ở một mức độ đáng kể, được thúc đẩy bởi sự ra đời của một văn bản pháp luật mới - “Quy định về việc đăng kí các tổ chức tôn giáo”. Theo Quy định này, dưới tên gọi “Giáo hội Chính Thống giáo Bungari” có thể đăng kí một số liên hiệp giáo hội, có nghĩa là các liên hiệp giáo hội do “những người li giáo Nevrôkôpski” tổ chức ra. Một thời gian sau đó đã diễn ra Hội nghị tôn giáo thành phố tại Blagoevgrad (thuộc Giáo phận Nevrôkôpski) và trên thực tế tại Hội nghị này Đại Giáo chủ đang nắm quyền Nafanail Nevrôkôpski đã bị đùổi khỏi nơi đó. Sự chia rẽ mới này do Giáo chủ tự xưng là Grigôri lãnh đạo.

Đến tháng 12 năm 2003, tình hình trở nên cực kì nghiêm trọng, bởi vì trong chương trình nghị sự lại đặt ra vấn đề bầu thêm một Giáo trưởng “đối ngã”. Như vậy, cuộc đấu tranh gay gắt giữa các lực lượng chính trị khác nhau ở Bungari, trong đó có vấn đề xung đột trong nội bộ giáo hội, đã trở thành một vấn đề chính trị nghiêm trọng. Do vậy, đã đến lúc cần phải nói tới sự cần thiết đổi mới ban lãnh đạo của Giáo hội Chính Thống giáo Bungari nhằm thúc đẩy công cuộc hiện đại hoá thể chế xã hội truyền thống quan trọng của đất nước, đó chính là Giáo hội Chính Thống giáo Bungari.

4. Giáo hội Chính Thống giáo Hi Lạp - Biểu tượng của sự thống nhất

Khác với nhiều nước trên bán đảo Bancăng, đối với Hi Lạp trong nhiều thế

kỉ, Chính Thống giáo luôn là biểu tượng của sự thống nhất dân tộc. Ngay từ khi thành lập nhà nước độc lập vào những năm 30 thế kỉ XIX, tổ chức giáo hội đã có ý nghĩa chính trị đối với nước này. Năm 1833, Giáo hội Chính Thống giáo Hi Lạp đã tuyên bố độc lập tách ra khỏi Giáo hội Kônstantinôpôl và cho tới giữa thế kỉ XIX đã cắt đứt mọi mối quan hệ với Giáo hội này. Hành động này nhằm mục đích ngăn cản ảnh hưởng của Giáo hội Chính Thống giáo toàn cầu, trụ sở đóng tại thủ đô của đế chế Osman, vào công việc nội bộ của Hi Lạp. Chỉ tới năm 1850, Kônstantinôpôl mới trao cho Giáo hội Chính Thống giáo Ellad quyền tự quản. Người đứng đầu Giáo hội này là Tổng Giáo chủ Giáo phận Aten và toàn vùng Ellad.

Từ đó, Giáo hội Chính Thống giáo ở Hi Lạp đã đóng vai trò chính trị quan trọng và có uy tín lớn đối với người Hi Lạp. Nhưng vào cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, cùng với sự thay đổi tình hình chính trị - xã hội trong nước và trên thế giới, Giáo hội Chính Thống giáo Ellad đang đứng trước một sự lựa chọn nghiêm túc: hoặc là tiếp tục truyền thống, hoặc là phải tính tới những xu hướng mới trong tư tưởng xã hội của đất nước và trong thực tiễn chính trị thế giới.

Trước hết liên quan tới những thay đổi bầu không khí chính trị ở khu vực Bancăng nói riêng vào toàn Châu Âu nói chung. Sự thế tục hoá đời sống xã hội ở Hi Lạp được thể hiện bằng việc thông qua một loạt đạo luật liên quan tới sự hạn chế quyền sở hữu tài sản, nhất là đất đai của Giáo hội Chính Thống giáo Ellad, cũng như vai trò của Giáo hội trong một loạt

các thủ tục pháp lí. Ngay sau đó, dưới áp lực của tình hình bên ngoài - những đòi hỏi của các tổ chức quốc tế Châu Âu mà Hi Lạp là một thành viên - Giáo hội Chính Thống giáo Hi Lạp đã bị tước mất độc quyền là một tôn giáo nhà nước.

Tuy nhiên, những người lãnh đạo Giáo hội Chính Thống giáo Ellad vẫn không ngừng tham gia tích cực vào các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước. Hơn thế nữa, trong thời kì chiến tranh ở Nam Tư, họ nhất quán thực hiện chính sách tuyên truyền bảo vệ quyền lợi của Secbi và chống lại những hành động của Nato trong quan hệ với đất nước này. Giáo hội Chính Thống giáo Ellad cũng đóng vai trò không nhỏ trong “tiểu ban” Châu Âu của chính sách đối ngoại của Hi Lạp. Bằng chứng của việc này là bản tuyên bố đầu năm 2003 của người đứng đầu Giáo hội Chính Thống giáo Ellad Tổng Giáo chủ Khristôdul. Bản tuyên bố đòi hỏi phải đưa vào bản Hiến pháp chung sắp tới của Châu Âu điều khoản ghi nhận nguồn gốc Kitô giáo của Châu Âu.

Sự bất đồng quan điểm giữa Aten với Ankara về vấn đề đảo Sip và sự gia nhập cộng đồng Châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn luôn luôn được các giáo chủ của Giáo hội Hi Lạp đề cập tới với quan điểm bảo vệ lợi ích của Hi Lạp. Ngày 4 tháng 12 năm 2003, Tổng Giáo chủ Khristôdul đã thuyết giảng tại nhà thờ Thánh Varvara ở Aten. Trong bài thuyết giảng của mình, Tổng Giáo chủ đã nhắc tới những cái chết đau đớn của các vị thánh bị người Thổ Nhĩ Kỳ giết hại vào thế kỉ XVII và ông đã nghiêm khắc tuyên bố: “Còn giờ đây cũng chính những con người đó lại muốn gia

nhập Cộng đồng Châu Âu (EC). Những kẻ man rợ sẽ không có việc gì làm trong gia đình các Kitô hữu. Chúng ta không thể cùng chung sống. Ngoại giao đó là điều tuyệt vời, nhưng vì nó chúng ta sẽ không thể quên lịch sử của mình”⁽¹⁾. Sự can thiệp của chức sắc cao cấp của Giáo hội vào những vấn đề tế nhị về quan hệ chính thức của Aten với Ankara đã gây sự bất bình trong giới cầm quyền ở Hi Lạp, những người đã tuyên bố ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập EC.

Dưới áp lực của Chính phủ Hi Lạp, ngày 6 tháng 12 năm 2003, Tổng Giáo chủ Khristôđul đã buộc phải thể hiện lập trường mềm dẻo hơn khi ông tuyên bố: “Tuy nhiên, ở Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, đặc biệt trong giới lãnh đạo của nước này và những người đại diện của những thể chế có đủ quyền hành đang có những quan điểm và cách nhìn xa lạ về Châu Âu dân chủ. Đó là một sự thật hoàn toàn mà chúng ta, những người của Giáo hội, cũng buộc phải nói lên sự thật này, bởi vì điều này dẫn tới việc giải quyết vấn đề. Chúng ta cần phải cố gắng Âu hoá Thổ Nhĩ Kỳ”⁽²⁾. Điều này đã được báo chí Hi Lạp đưa tin một cách sôi động. Với động thái này, một lần nữa báo chí Hi Lạp muốn chứng minh khả năng của Giáo hội Chính Thống giáo Hi Lạp ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại của nước này.

5. Đôi lời nhận xét

Từ những trình bày về các vấn đề của Giáo hội Chính Thống giáo ở các nước vùng Bancăng giai đoạn cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, tức là giai đoạn sau khi

chính quyền ở các nước này đã nằm trong tay các lực lượng dân chủ đối lập, chúng ta có thể nhận thấy một điều rằng, dù dưới bất kì một chính thể xã hội nào, ở bất kì một quốc gia nào, mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội luôn là một vấn đề sôi động, phức tạp và nhạy cảm. Khi bước từ một thể chế xã hội này sang một thể chế xã hội khác, những vấn đề cũ trong mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội được giải quyết thì ngay lập tức những vấn đề mới lại nảy sinh. Nguyên do của những vấn đề này xuất phát từ cả hai phía: Nhà nước và Giáo hội. Nếu chỉ quy những nguyên do đó cho một phía, hoặc là Nhà nước, hoặc là Giáo hội thì chúng ta khó có thể giải quyết vấn đề một cách thoả đáng và như vậy chỉ làm cho mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội đã phức tạp lại càng phức tạp thêm. Sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, lắng nghe ý kiến của nhau và cùng hợp lòng, hợp sức sẽ là những phương cách hữu hiệu để giải quyết ổn thoả những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội, giữa Giáo hội này với Giáo hội khác. Cũng cần lưu ý rằng mỗi Nhà nước, mỗi Giáo hội đều có những cách giải quyết vấn đề riêng của mình. Tham khảo kinh nghiệm của nhau là cần thiết, song điều quan trọng nhất vẫn là tự giải quyết vấn đề của mình không có sự can thiệp từ bên ngoài. Những thí dụ nêu trên là những minh chứng cụ thể./

1. Trích theo báo *Độc Lập* ngày 21 tháng 1 năm 2004 (tiếng Nga).

2. Trích theo báo *Độc Lập* ngày 21 tháng 1 năm 2004 (tiếng Nga).